

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DS-ST

Ngày: 09-5-2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Ngoan

Bà Huỳnh Thị Mỹ Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành
phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số
325/2023/TLST- DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2024/QĐXX-ST ngày 22/4/2024 giữa
các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á

Địa chỉ: D, N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Từ Tiến P, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình L, chức vụ phó Giám đốc phòng
quản lý nợ.

Văn bản ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022

Ủy quyền tham gia tố tụng anh Trần Trung T, sinh năm 1999, có mặt

Địa chỉ: D, đường C, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Văn bản uỷ quyền ngày 13/7/2023

- ***Bị đơn:***

1. Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1988, có mặt

Địa chỉ: khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Chị Lê Huỳnh Bảo T1, sinh năm 1992, đề nghị vắng mặt

Địa chỉ: khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phùng Văn K, sinh năm 1963, *đề nghị vắng mặt*
Địa chỉ: khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.
2. Ông Huỳnh Văn Á, sinh năm 1928, *đề nghị vắng mặt*
Địa chỉ: khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1965, *đề nghị vắng mặt*
Địa chỉ: khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.
4. Anh Phạm Văn N1, sinh năm 1973, *đề nghị vắng mặt*
Địa chỉ: khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á (sau đây gọi tắt là ngân hàng) với anh Huỳnh Văn N và chị Lê Huỳnh Bảo T1 có ký thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: THN.CN.2254.130120 ngày 14/01/2020, hợp đồng cấp tín dụng số: THN.CN.4202.150321 ngày 16/3/2021 với hạn mức tín dụng 1.550.000.000đ. Ngày 21/9/2021 ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.150.000.000đ theo khế ước nhận nợ số 343817479, với thời hạn vay 06 tháng 22/9/2021 – 21/3/2022, lãi suất 9%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm. Ngày 10/11/2021 ký hợp đồng sửa đổi bổ sung THN.CN.4202.150321/SĐBS - 01. Ngày 07/01/2022 ngân hàng đã giải ngân số tiền 220.000.000đ theo khế ước nhận nợ số 351937269, thời hạn cho vay 06 tháng từ 08/01/2022 – 07/7/2022, lãi suất cho vay 9%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm. Ngày 15/02/2022 ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số: THN.CN.4202.150321/SĐBS – 02.

Mục đích cho vay là sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, vốn kinh doanh buôn chuyên lúa gạo.

Phương thức trả nợ gốc được trả của kỳ trả nợ cuối cùng, lãi vay được trả hàng tháng.

Đảm bảo cho hợp đồng tín dụng anh Huỳnh Văn N đã ký hợp đồng thế chấp QSD đất số THN.BĐCN.25.170320 ngày 18/3/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số THN.BĐCN.25.170320/SĐBS-01 ngày 10/11/2021 để thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 345 diện tích 984m² đất 2L, thửa 351 diện tích 3443m² đất 2L và thửa 349 diện tích 3876m² đất 2L, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận QSD đất số 00035 do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 27/9/2002 cấp cho hộ ông Huỳnh Văn G đứng tên. Ngày 25/12/2019 tặng cho QSD đất cho Huỳnh Văn N. Đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, ngân hàng có cấp tín dụng cho anh Huỳnh Văn N theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 09/01/2020 với hạn mức tín dụng 50.000.000đ. Loại thẻ visa gold, số thẻ tín dụng 479139*****8931, hiệu lực thẻ 12/02/2023 và cấp tín dụng cho chị Lê Huỳnh Bảo T1, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 10/3//2020 với hạn mức tín dụng 50.000.000đ. Loại thẻ visa gold số thẻ 479139****8547, hiệu lực thẻ 03/2023.

Về lãi suất trong hạn và quá hạn đối với hợp đồng thẻ tín dụng được thể hiện trên bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, lãi suất được tính trong hạn là 29%/năm, quá hạn 150% lãi suất trong hạn căn cứ theo quy định biểu phí sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng anh N chị T1 đã trả được nợ gốc của hợp đồng cấp tín dụng là 590.000.000đ, còn nợ gốc là 780.000.000đ, hợp đồng sử dụng thẻ của anh N trả được 4.941.668đ, còn nợ gốc là 45.058.332đ, còn hợp đồng sử dụng thẻ của chị T1 trả được 23.741.994đ còn nợ gốc là 26.258.006đ, ngày 24/8/2022 anh N và chị T1 vi phạm không thanh toán cho ngân hàng các khoản vay trên, nên ngân hàng đã ra thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với anh N và chị T1.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh N và chị T1 có trách nhiệm trả cho ngân hàng tính đến ngày 14/3/2024 đối với hợp đồng cấp tín dụng số tiền 1.029.415.624đ, trong đó nợ gốc 780.000.000đ, nợ lãi trong hạn 18.064.110đ, nợ lãi quá hạn: 227.823.534đ, phạt chậm trả lãi: 3.527.980đ. Yêu cầu anh N và chị T1 có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 14/3/2024 tổng cộng gốc và lãi là 105.214.016đ, nợ gốc là 71.316.329đ, nợ lãi quá hạn là 33.897.687đ, trong đó thẻ của anh N gốc và lãi là 70.312.929đ (nợ gốc: 45.058.323đ nợ lãi quá hạn: 25.254.606đ), nợ thẻ của chị T1 gốc và lãi là: 34.901.087đ (nợ gốc 26.258.006đ nợ lãi quá hạn 8.643.081đ). Yêu cầu anh N và chị T1 tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ.

Trường hợp không trả được nợ cho ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết để bảo đảm cho việc yêu cầu thi hành án.

Bị đơn anh Huỳnh Văn N trình bày:

Anh và chị T1 có ký hợp đồng cấp tín dụng, các hợp đồng sửa đổi bổ sung và ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với ngân hàng TMCP Á như đại diện nguyên đơn trình bày. Anh thống nhất về số nợ vay gốc theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ, về lãi suất, thời hạn cho vay, mục đích vay cũng như tài sản đã thế chấp cho nguyên đơn để đảm bảo khoản vay như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Trong quá trình vay anh và chị T1 đã trả được nợ gốc cho nguyên đơn như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng.

Tính đến ngày 14/3/2024 đối với hợp đồng cấp tín dụng số tiền 1.029.415.624đ, trong đó nợ gốc 780.000.000đ, nợ lãi trong hạn 18.064.110đ, nợ lãi quá hạn: 227.823.534đ, phạt chậm trả lãi: 3.527.980đ, số tiền theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tổng cộng gốc và lãi là 105.214.016đ, nợ gốc là 71.316.329đ, nợ lãi quá hạn là 33.897.687đ, trong đó thẻ anh N gốc và lãi là 70.312.929đ (nợ gốc: 45.058.323đ nợ lãi quá hạn: 25.254.606đ), nợ thẻ của chị T1 gốc và lãi là: 34.901.087đ (nợ gốc 26.258.006đ nợ lãi quá hạn 8.643.081đ).

Tài sản đảm bảo nợ vay gồm đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 345 diện tích 984m² đất 2L, thửa 351 diện tích 3443m² đất 2L và thửa 349 diện tích 3876m² đất 2L, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận QSD đất số 00035 do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 27/9/2002 cấp cho hộ ông Huỳnh Văn G đứng

tên. Ngày 25/12/2019 tặng cho QSD đất cho Huỳnh Văn N. Đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Do làm ăn thất bại nên dẫn đến vi phạm nghĩa vụ đối với ngân hàng. Qua yêu cầu khởi kiện của ngân hàng A đồng ý cùng vợ là chị T1 trả nợ cho ngân hàng. Trường hợp không thanh toán được nợ cho ngân hàng đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp cho ngân hàng.

Đối với các thửa đất thế chấp cho ngân hàng thì hiện nay có thửa đang cho anh N1 thuê và có thửa đất ông K đang canh tác thì anh không yêu cầu Toà án giải quyết, sẽ tự thoả thuận với nhau.

Bị đơn chị Lê Huỳnh Bảo T1 trình bày: Là vợ của anh N, thống nhất với lời trình bày của anh N. Qua yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đồng ý cùng anh N trả nợ cho ngân hàng. Trường hợp không thanh toán được nợ cho ngân hàng đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp cho ngân hàng. Đối với các thửa đất thế chấp cho ngân hàng thì hiện nay có thửa đang cho anh N1 thuê và có thửa đất ông K đang canh tác thì không yêu cầu Toà án giải quyết, sẽ tự thoả thuận với nhau. Chị đề nghị được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Toà án và đối chất (nếu có).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn G trình bày: Là cha ruột của Huỳnh Văn N, ngày 25/12/2019 ông có tặng cho N thửa đất 345, 349 và 351, đất tọa lạc khu vực T, phường T. Các thửa đất trên hiện nay N đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho món vay. Trước đây, ông có chuyển đổi thửa 349 của ông cho ông Huỳnh Văn Á canh tác còn thửa đất của ông Á chuyển đổi cho ông canh tác, chuyển đổi bằng lời nói, không làm giấy tờ và cũng không ai phải trả cho ai số tiền nào, còn giấy chứng nhận QSD đất của ai nấy giữ.

Nay ngân hàng khởi kiện Huỳnh Văn N ông không ý kiến và trường hợp ngân hàng phát mãi các thửa đất đã thế chấp ông cũng đồng ý. Đối với việc chuyển đổi đất với ông Á thì sẽ tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Toà án cho ông được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Toà án và đối chất (nếu có) do đi làm xa.

2. Ông Huỳnh Văn Á trình bày: thửa đất 352 diện tích 2075m² đất 2L ông nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn T2 bằng giấy tay, còn thửa đất 831 diện tích 2075m² đất 2L thì ông nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn L1 không có làm giấy tờ chỉ thoả thuận bằng lời nói. Hai thửa đất này ông đều chưa làm giấy chứng nhận QSD đất sang tên, vẫn còn chủ cũ đứng tên.

Do ông có thửa đất số 350 diện tích 2143m² đất 2L giáp với thửa đất số 351 của ông G rồi mới đến thửa đất 352 và 831, không thuận tiện cho việc canh tác, nên vào khoảng năm 1991 ông G và ông có thoả thuận đổi đất bằng lời nói cụ thể là: ông sẽ canh tác thửa 349 của ông G còn ông G sẽ canh tác thửa 352 và 831 của ông. Việc đổi đất không làm giấy tờ và cũng không ai phải giao cho ai bất kỳ số tiền nào. Ông và ông G đều giữ bản chính giấy chứng nhận thửa đất của mình và không đến chính quyền làm thủ tục đổi đất.

Do nhu cầu kinh tế nên ông đã bán cho ông Phùng Văn K thửa đất 349 mà

ông đã đổi với ông G. Việc mua bán có làm bằng giấy tay do ông K giữ.

Đối với việc ngân hàng khởi kiện anh N thì ông không ý kiến và cũng không yêu cầu gì thêm. Đối với việc đổi đất với ông G và việc ông bán đất cho ông K thì ông có ý kiến là đất của ông G thì ông trả cho ông G còn đất của ông thì ông G trả lại cho ông. Tuy nhiên chỉ trình bày ý kiến như vậy chứ không yêu cầu Tòa án giải quyết, sẽ tự thỏa thuận, còn việc mua bán với ông K sẽ tự thỏa thuận. Nếu ngân hàng phát mãi đất ông N đã thế chấp, cũng không ý kiến. Do lớn tuổi đi lại khó khăn nên đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

3. Ông Phùng Văn K trình bày: năm 2003 ông có nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Huỳnh Văn Á với diện tích 3.5 công tằm cất với giá 70 lượng vàng 24k loại 9999. Hai bên có làm hợp đồng bằng giấy tay. Ông Á có giao cho ông giữ bản chính giấy chứng nhận QSD đất số 000164 do ông Á đứng tên. Lúc đó ông nghĩ phần đất mua là một trong những thửa đất ông Á đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Hiện nay ông vẫn là người đang trực tiếp canh tác phần đất mua của ông Á. Đối với việc ông Á và ông G đổi đất thì ông không biết. Đối với việc ngân hàng khởi kiện anh N thì ông không ý kiến. Nếu ngân hàng có yêu cầu phát mãi đất anh N đã thế chấp thì ông cũng đồng ý. Đối với việc ông mua đất của ông Á thì ông cũng không yêu cầu giải quyết, tự thỏa thuận với nhau. Do bận công việc nên đề nghị được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

4. Anh Phạm Văn N1 trình bày: hiện nay anh là người đang canh tác đất của anh N còn thửa đất số mấy thì không rõ. Lý do là thuê đất của anh N. Năm 2022 anh đã trả tiền thuê cho anh N đến năm 2023 có nghe nói anh N kêu bán đất nên không thuê nhưng thấy đất trống đã canh tác luôn và anh N bán các thửa đất trên cho ai hay không thì không biết. Việc chủ đất có hoán đổi đất với ai hay không anh không biết. Qua việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn anh không ý kiến, không yêu cầu. Đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa như sau:

Đại diện nguyên đơn: nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của anh Huỳnh Văn N ngày 09/01/2020 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của chị Lê Huỳnh Bảo T1 ngày 10/3/2020, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn anh Huỳnh Văn N và chị Lê Huỳnh Bảo T1 phải có trách nhiệm trả số tiền vay đối với hợp đồng cấp tín dụng ngày 16/3/2021 tính đến ngày 09/5/2024 tổng số tiền 1.048.274.032đ, trong đó, nợ gốc 780.000.000đ, nợ lãi trong hạn 18.064.110đ, nợ lãi quá hạn: 246.404.795đ, phạt chậm trả lãi 3.805.128đ. Yêu cầu anh N và chị T1 tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ. Về lãi suất của hợp đồng như trong quá trình giải quyết đã trình bày. Trường hợp không trả được nợ cho ngân hàng, yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết để bảo đảm cho việc yêu cầu thi hành án.

Bị đơn anh Huỳnh Văn N: thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Đến nay còn nợ nguyên đơn số tiền của hợp đồng cấp tín dụng ngày

16/3/2021 tổng cộng 1.048.274.032đ. Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Huỳnh Văn N ngày 09/01/2020 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Lê Huỳnh Bảo T1 ngày 10/3/2020 đã thanh toán xong cho ngân hàng. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng ý cùng chị T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền trên. Trường hợp không trả được nợ đồng ý phát mại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa, bị đơn Lê Huỳnh Bảo T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Văn N và chị Lê Huỳnh Bảo T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tính đến ngày 09/5/2024 đối với hợp đồng cấp tín dụng ngày 16/3/2021 tổng số tiền 1.048.274.032đ, trong đó, nợ gốc 780.000.000đ, nợ lãi trong hạn 18.064.110đ, nợ lãi quá hạn: 246.404.795đ, phạt chậm trả lãi 3.805.128đ. Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của anh Huỳnh Văn N ngày 09/01/2020 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của chị Lê Huỳnh Bảo T1 ngày 10/3/2020 tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện nên được Hội đồng xét xử đình chỉ.

[2.1] Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn N thừa nhận có vay tiền của ngân hàng TMCP Á, có ký thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số: THN.CN.2254.130120 ngày 14/01/2020, hợp đồng cấp tín dụng số: THN.CN.4202.150321 ngày 16/3/2021, ngày 10/11/2021 ký hợp đồng sửa đổi bổ sung THN.CN.4202.150321/SĐBS – 01, ngày 15/02/2022 ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số: THN.CN.4202.150321/SĐBS – 02. Tính đến ngày 09/5/2024 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 1.048.274.032đ. Về lãi suất của các hợp đồng như phía đại diện nguyên đơn đã trình bày. Do kinh tế khó khăn nên bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn đồng ý cùng chị T1 có trách nhiệm trả số nợ trên cho nguyên đơn. Bị đơn chị T1 mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết cũng thừa nhận có nợ tiền vay của ngân hàng và đồng ý trả cho ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.2] Về tài sản đảm bảo đối với hợp đồng tín dụng anh Huỳnh Văn N đã ký hợp đồng thế chấp QSD đất số THN.BĐCN.25.170320 ngày 18/3/2020, hợp

đồng sửa đổi bổ sung số THN.BĐCN.25.170320/SĐBS-01 ngày 10/11/2021 để thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 345 diện tích 984m² đất 2L, thửa 351 diện tích 3443m² đất 2L và thửa 349 diện tích 3876m² đất 2L, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận QSD đất số 00035 do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 27/9/2002 cấp cho hộ ông Huỳnh Văn G đứng tên. Ngày 25/12/2019 tặng cho QSD đất cho Huỳnh Văn N. Đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Việc thế chấp đã được công chứng, được đăng ký thế chấp với cơ quan có thẩm quyền. Do đó, nếu bị đơn không trả số nợ trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản trên để ưu tiên thu hồi nợ.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Á, ông Phùng Văn K, anh Phạm Văn N1 do không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí thẩm định: bị đơn phải chịu theo quy định.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 262, 264, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Á.

Buộc bị đơn anh Huỳnh Văn N chị Lê Huỳnh Bảo T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ngân hàng Thương mại Cổ Phần Á số tiền 1.048.274.032đ (*một tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn, không trăm ba mươi hai đồng*), trong đó, nợ gốc 780.000.000đ (*bảy trăm tám mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 18.064.110đ (*mười tám triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm mười đồng*), nợ lãi quá hạn: 246.404.795đ (*hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng*), phạt chậm trả lãi 3.805.128đ (*ba triệu, tám trăm linh năm nghìn, một trăm hai mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 10/5/2024 bị đơn anh Huỳnh Văn N chị Lê Huỳnh Bảo T1 còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng cấp tín dụng các bên đã giao kết, đến khi thanh toán dứt nợ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của anh Huỳnh Văn N ngày 09/01/2020 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của chị Lê Huỳnh Bảo T1 ngày 10/3/2020 do rút lại yêu cầu.

Về xử lý tài sản đảm bảo: Nếu bị đơn không trả số nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 345 diện tích 984m² đất 2L, thửa 351 diện tích 3443m² đất 2L và thửa 349 diện tích 3876m² đất 2L, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận QSD đất số 00035 do ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 27/9/2002 cấp cho hộ ông Huỳnh Văn G đứng tên. Ngày 25/12/2019 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T xác nhận tặng cho QSD đất cho Huỳnh Văn N. Đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ để ưu tiên thu hồi nợ.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án lập ngày 29/02/2024 để xác định phần đất và tài sản các bên thế chấp đảm bảo.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn anh Huỳnh Văn N chị Lê Huỳnh Bảo T1 phải nộp 21.724.000đ (hai mươi một triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Đã xem xét giảm 50% án phí do hoàn cảnh khó khăn có đơn đề nghị miễn giảm án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương.

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 21.375.000đ (hai mươi một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004188, ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Về chi phí xem xét thẩm định: Các khoản hết 3.000.000đ (ba triệu đồng), nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Bị đơn anh Huỳnh Văn N và chị Lê Huỳnh Bảo T1 phải nộp để chuyển trả cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA dân sự quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Khúc Thị Hồng

